

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 612/2025/HS-PT

Ngày: 30-10-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 419/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Hỷ Thành L. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

Bị cáo có kháng cáo:

HỖ THÀNH L, sinh ngày 27/5/1996 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); Chỗ ở: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước (Nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hỷ Chủ D, sinh năm 1967 và bà Hoàng Mỹ L1, sinh năm 1975; Vợ Hoàng Thị Thu T (chưa đăng ký kết hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án: Ngày 26/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2017/HSST.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2024 đến nay.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 25/11/2022 đến tháng A và Ngô Thị Thùy D1 02 lần lưu hành tiền giả tại địa bàn Bình Phước và Bình Thuận cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào ngày 25/11/2022, Hỷ T và Ngô Thị Thùy D1 chung sống như vợ chồng ở F đường A, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. L rủ Dung lên Đồng X, Bình Phước để tiêu thụ tiền giả bằng cách L đưa tiền giả cho người ta rồi yêu cầu họ chuyển tiền vào tài khoản tài khoản 1441005655062 Ngân hàng TMCP A1 của D1, D1 đồng ý. L sử dụng xe ô tô Honda Civic biển kiểm soát 79A2-03979 (theo lời khai của L) chở D1 đi Đ, Bình Phước. Khoảng 18h40 ngày 25/11/2022, L và D1 đến tiệm điện thoại, cầm đồ Tùng Phụng trên đường Đ thuộc khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, nay là khu phố X, phường B, tỉnh Đồng Nai (tiệm L hay vào gửi và rút tiền trước đây). D1 ngồi ngoài xe ở ghế phụ đợi còn L lấy 20 triệu tiền giả gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng trong túi L đeo trên người đi vào tiệm Tùng Phụng, L vào gặp Thị T1 là nhân viên của tiệm và kêu chuyển 20 triệu vào tài khoản ngân hàng của D1, Thị T1 nói với L là để kêu chị Trịnh Đình Q là chủ tiệm chuyển. Khi chị Q từ dưới nhà lên, L đưa 20.000.000 đồng tiền giả trên cho chị Q và ra xe lấy thêm 50.000 đồng chỗ D1 đưa cho chị Q (là tiền phí chuyển khoản), yêu cầu chị Q chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của D1. Sau đó, L ra xe chở D1 về nhà D1 ở Tổ D, ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh B (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Trên đường chở D1 về nhà, D1 nói với L là tiền chưa vào tài khoản nên L gọi cho chị Q hỏi tiền có chưa thì được chị Q nói tiền L đưa là tiền giả, yêu cầu L quay lại lấy số tiền giả này. Sau đó, chị Q nói lại sự việc với chồng là anh Lê Thanh T2 chủ tiệm Tùng Phụng. Anh T2 gọi điện và trách L đưa tiền giả cho tiệm anh T2 để kêu chuyển tiền, sau đó L có gọi điện hẹn 02 - 03 ngày sau quay lại lấy lại tiền giả. Khi L nói chuyện điện thoại trên xe với anh T2 thì D1 biết số tiền giả L đưa cho tiệm T4 là 20.000.000 đồng, trước đó L không nói cho D1 biết số tiền cụ thể. Ngày 05/01/2023, anh T2 trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ.

Ngày 10/02/2023, Phòng K Công an tỉnh B (Nay là Công an tỉnh Đ) có Kết luận giám định số 163/KL-KTHS, kết luận:

+ 03 (ba) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri: HQ 18921299 gửi giám định ký hiệu A1-A3 là tiền giả, không phải do Ngân hàng N phát hành,

+ 10 (mười) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri: FG 18921063 gửi giám định ký hiệu A4-A13 là tiền giả, không phải do Ngân hàng N phát hành,

+ 11 (mười một) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri: DT 18423274 gửi giám định ký hiệu A14-A24 là tiền giả, không phải do Ngân hàng N phát hành,

+ 16 (mười sáu) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri: BK 20367073 gửi giám định ký hiệu A25-A40 là tiền giả, không phải do Ngân hàng N phát hành.

Vụ thứ hai: Khoảng 12/2022 (L không nhớ rõ thời gian), L ngồi uống cà phê

với Nguyễn Nhật H, sinh năm 1994 (L thường gọi là Hùng Trọng, là bạn bè quen biết ngoài xã hội) tại quán cà phê gần nhà L ở số F A, Phường A, Quận F, Thành phố H. Quá trình nói chuyện, H cho L tài khoản zalo của Nguyễn Ngọc L2 (sinh năm 1979, HKTT; thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận) và nói với L là Lê có nhu cầu mua tiền giả. H kêu L hỏi Lê mua số lượng bao nhiêu tiền giả thì nói H để H đưa tiền giả cho L. Số tiền thật thu được do việc bán tiền giả, H cho L hết, H không tham gia vào việc thỏa thuận giữa L và L2, L đồng ý. H đưa cho L khoảng hơn 10 triệu đồng tiền giả loại mệnh giá 500.000 đồng rồi ra về. L nhắn tin qua zalo với Lê thỏa T3 tỷ lệ bán tiền giả là 1:2, tức là 1.000.000 đồng tiền thật đổi được 2.000.000 đồng tiền giả. Lê đồng ý thỏa thuận và đặt mua 10.000.000 đồng tiền giả, L sẽ ra Bình Thuận giao tiền giả trực tiếp, L nhắn tin cho Lê số tài khoản 1441005655062 NGO THI THUY DUNG ngân hàng A2 để Lê chuyển 5.000.000 đồng tiền thật cho L, rồi L sẽ ra giao tiền giả. Sau khi nhận được tiền do Lê chuyển, L sợ bị công an theo dõi, bố trí bắt nên không ra giao tiền giả như đã thỏa thuận. Sau đó, Lê Đ mua thêm 14.000.000 đồng tiền giả bằng 7.000.000 đồng tiền thật, khi ra giao tiền giả tại Bình Thuận, L2 sẽ giao tiền mặt 7.000.000 đồng tiền thật cho L. Tổng cộng số tiền giả Lê đặt mua là 24.000.000 đồng, bằng 12.000.000 đồng tiền thật, L đồng ý. Sau đó, L gọi cho H và báo khách đặt mua như vậy để lấy thêm tiền giả, H chạy đến nơi L ở và đưa thêm tiền giả cho L, L không đếm bao nhiêu tiền giả nhưng đủ 24.000.000 đồng tiền giả giao cho L2, tổng số tiền giả hai lần H đưa cho L là 25.000.000 đồng tiền giả. L yêu cầu Lê gửi vị trí qua zalo để L ra giao tiền. Tối hôm sau, L rủ D1 đi Bình Thuận để giao dịch mua bán tiền giả thì D1 đồng ý. L chở D1 đi trên xe ô tô Honda Civic màu trắng, đi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Bình Thuận để giao tiền giả cho L2 theo vị trí mà L2 gửi qua zalo cho L. Khoảng 01 giờ sáng (L không nhớ ngày cụ thể), L đến vị trí đã hẹn, đỗ vào lề đường quốc lộ A, khu vực gần khu công nghiệp (không nhớ tên) ở huyện H, tỉnh Bình Thuận, L gọi điện thoại cho L2, khoảng 05 phút sau thì L2 đi xe mô tô một mình đến, đưa cho L 7.000.000 đồng tiền thật và L đưa cho L2 25.000.000 đồng tiền giả (Lê mua 24.000.000 đồng tiền giả, L cho Lê thêm 1.000.000 đồng tiền giả). Sau đó, L lên xe đưa 7.000.000 đồng tiền mặt nhận từ L2 cho D1, D1 bỏ số tiền này vào hộc xe, L điều khiển xe rời đi.

Ngày 24/12/2022, Công an huyện H kiểm tra hành chính căn nhà của Nguyễn Ngọc L2 tại xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, phát hiện 2.500.000 đồng tiền giả loại polyme mệnh giá 500.000 đồng còn lại chưa lưu hành.

Tại kết luận giám định số 1432/KL-KTHS ngày 05/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh B xác định số tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng gửi giám định là tiền giả.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Hỷ Thành L phạm tội “Lưu hành tiền giả”

Áp dụng khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 53; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hỷ Thành L 11 (Mười một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn từ tính từ ngày 24/10/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/8/2025 bị cáo Hỷ Thành L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Hỷ Thành L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hỷ Thành L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hỷ Thành L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã xác định. Xét lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau, có đủ căn cứ xác định:

Do muốn có tiền tiêu xài, Hỷ Thành L và Ngô Thị Thùy D1 02 lần thực hiện hành vi lưu hành tiền giả.

Lần 1, ngày 25/11/2022 Hỷ T, Ngô Thị Thùy D1 lưu hành 20.000.000 đồng tiền giả gồm 40 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng bằng hình thức mang tiền giả đến tiệm cầm đồ Tùng P yêu cầu chuyển khoản vào tài khoản của Ngô Thị Thùy D1 (Hành vi này của bị cáo D1 đã bị xét xử tại Bản án số 61/2024/HSST ngày 09/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước -Nay là TAND Khu vực 9 – Đồng Nai).

Lần 2, tháng 12/2022 L và D1 tiếp tục lưu hành 25.000.000 đồng tiền giả loại polyme mệnh giá 500.000 đồng tại tỉnh Bình Thuận bằng hình thức bán cho Nguyễn Ngọc L2 24.000.000 đồng tiền giả với giá 12.000.000 đồng tiền thật và cho thêm Lê 1.000.000 đồng tiền giả.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Hỷ Thành L phạm tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại trực tiếp cho những người dân nhận phải tiền giả mà còn ảnh hưởng đến sự ổn định, uy tín và an toàn của hệ thống tiền tệ quốc gia. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách

nhệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên cần có một hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo với mức án 11 năm 06 tháng tù là phù hợp.

Mặc dù, tại cấp sơ thẩm bị cáo L cho rằng D1 không biết việc bị cáo ra Bình Thuận để giao tiền giả cho L2, khi rủ D1 đi cùng bị cáo nói với D1 ra Bình Thuận chơi nên cấp sơ thẩm đã không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã nhận ra hành vi sai trái, không bao che cho D1, thừa nhận toàn bộ diễn biến sự việc như lời khai của D1 và đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hỷ Thành L

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2025/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Hỷ Thành L.

Căn cứ khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 2 Điều 52; Điều 53; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hỷ Thành L phạm tội “Lưu hành tiền giả”

Xử phạt bị cáo Hỷ Thành L **11 (Mười một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2024.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hỷ Thành L không phải chịu án phí.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- PV 06 CA tỉnh Đồng Nai;
- TAND, VKSND khu vực 9 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nga